

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 22-5-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Chung

2. Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Kha M, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Dũng L (vắng mặt)

2.2 Bà Trần Thanh LL (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2019 cũng như tại phiên tòa, ông Bùi Kha M trình bày:*

Ông M có cho vợ chồng ông Trần Dũng L và bà Trần Thanh LL vay với số tiền và thời gian vay cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25/11/2017 al vay 20.000.000 đồng

Lần 2: Ngày 01/12/2017 al vay 10.000.000 đồng

Lần 3: Ngày 28/5/2018 dl vay 5.000.000 đồng

Tổng số tiền vợ chồng ông L, bà LL vay là 35.000.000 đồng và có viết biên nhận lại. Trong đó lần hai viết biên nhận có em vợ ông L là Trần Kim N ký tên.

Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông L không thanh toán nên ông M yêu cầu vợ chồng ông L phải thanh toán số tiền vay là 25.000.000 đồng; còn lại 10.000.000 đồng do lúc viết biên nhận có em vợ ông L là bà N ký tên nhưng ông M không biết địa chỉ cụ thể nên ông M không yêu cầu xem xét.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện ông M yêu cầu vợ chồng ông Trần Dũng L và bà Trần Thanh LL phải thanh toán số tiền vay là 25.000.000 đồng; còn lại 10.000.000 đồng do ông M không biết địa chỉ của bà Ngân là người cùng ký vào biên nhận vay tiền của ông M nên ông M không yêu cầu giải quyết tại vụ án. Căn cứ vào hồ sơ vụ án cũng như trình bày của ông M tại phiên tòa có cơ sở cho rằng việc vợ chồng ông L vay tiền và nợ tiền của ông M là có thật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc vợ chồng ông L phải thanh toán số tiền vay nợ cho ông M là 25.000.000 đồng; còn lại 10.000.000 đồng do ông M không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Bùi Kha M khởi kiện yêu cầu ông Trần Dũng L và bà Trần Thanh LL phải thanh toán số tiền vay là 35.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông L, bà

LL có địa chỉ tại ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông L và bà LL và vắng mặt không có ý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông L và bà LL nhưng ông L và bà LL nhưng ông bà vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L và bà LL theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện ông M yêu cầu vợ chồng ông L và bà LL thanh toán số tiền vay 35.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông M yêu cầu vợ chồng ông L và bà LL thanh toán số tiền vay là 25.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng ông M không yêu cầu giải quyết tại vụ án.

[4] Xét thấy, việc ông M yêu cầu vợ chồng ông L và bà LL thanh toán số tiền vay 25.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì, hợp đồng vay tiền thực tế có xảy ra, các lần vay tiền hai bên có làm biên nhận. Trong đó có căn vay tiền ngày 01/12/2017al với số tiền 10.000.000 đồng ông M thừa nhận ông M cho vợ chồng ông L vay tiền và có chữ ký của vợ chồng ông L; còn lại Trần Kim N là em vợ ký để chứng kiến trong việc ông M giao tiền nhưng ông M không biết địa chỉ của bà N ở đâu. Do đó, tại biên bản ngày 22/01/2019 ông M không yêu cầu giải quyết đối với số tiền này. Các lần vay ngày 25/11/2017al với số 20.000.000 đồng và ngày 28/5/2018 dl với số tiền 5.000.0000 đồng do vợ chồng ông L, bà LL có làm biên nhận và trực tiếp ký tên biên nhận nên ông M yêu cầu vợ chồng ông L, bà LL thanh toán. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản này cho vợ chồng ông L, bà LL về khoản tiền ông M yêu cầu nhưng vợ chồng ông L, bà LL không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do.

Từ các căn cứ nêu trên, buộc ông L, bà LL phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông M số tiền là 25.000.000 đ là có căn cứ phù hợp theo quy định pháp tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền vay tại biên nhận ngày 01/12/2017 al là 10.000.000 đồng, tại biên bản làm việc ngày 22/01/2019 ông M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án, sau này có yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

[5] Đối với lãi suất: Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông M không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay trong thời gian vay từ năm 2017 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Vợ chồng ông L và bà LL phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Dũng L và bà Trần Thanh LL phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Kha M về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Dũng L và bà Trần Thanh LL thanh toán nợ vay.

1. Buộc vợ chồng ông Trần Dũng L và bà Trần Thanh LL thanh toán số tiền vay 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho ông Bùi Kha M.

Đối với số tiền 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*) tại biên nhận ngày 01/12/2017 al không xem xét tại vụ án, sau này có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

2. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Dũng L và bà Trần Thanh LL phải nộp 1.250.000 đ (*Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*)

Ông M không phải chịu án phí, ngày 16/01/2019 ông M có dự nộp 875.000 (*Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005898 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông L và bà LL vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa